

HIỆN TRẠNG TRIỂN KHAI GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM

○ ThS. NGUYỄN THỊ THU HẰNG*

Thuật ngữ «*Giáo dục kĩ năng sống*» (GDKNS) hiện ngày càng phổ biến và được sử dụng khá rộng rãi. Trên thế giới, «KNS» và «GDKNS» là những thuật ngữ đã xuất hiện từ rất sớm, cùng với nó là những chương trình GDKNS đã được triển khai rộng khắp và có hiệu quả ở nhiều quốc gia khác nhau, trong đó có Việt Nam.

1. Hiện trạng triển khai GDKNS trên thế giới

Vào cuối những năm 1960, thuật ngữ KNS được những nhà tâm lí học thực hành đưa ra và coi đó như một khả năng xã hội rất quan trọng trong việc phát triển cá nhân. Đến năm 1979, Gilbert Botvin (tiến sĩ người Mĩ - nhà khoa học hành vi và giáo sư tâm thần học) đã công bố một chương trình đào tạo KNS có hiệu quả cao cho thanh thiếu niên từ lớp 7 tới lớp 9. Thông qua các module tương tác, chương trình đã tạo cơ hội cho người học được tiếp cận với những kĩ năng xã hội như: *quyết đoán, tư duy phê phán, ra quyết định, giải quyết vấn đề để thể hiện sự từ chối sử dụng các chất gây nghiện như thuốc lá*. Chương trình gồm các tài liệu hướng dẫn giáo viên (GV), học sinh (HS) và một băng audiocassette thư giãn đã được triển khai trong nhiều trường học khác nhau, từ các trường công lập đến các trung tâm tạm giam người chưa thành niên và đã thu được kết quả ấn tượng. Nó không chỉ giúp ngăn ngừa hút thuốc trong thanh thiếu niên mà còn giúp tăng thêm giá trị trong mối quan hệ giữa GV và HS, kết quả học tập và sự quan tâm của nhà trường. Như vậy, GDKNS đã được đưa vào chương trình tiểu học và trung học ở các nước phát triển từ khá sớm, nhằm thúc đẩy lối sống lành mạnh ở trẻ em, tạo nền tảng vững chắc cho các em khi bước vào tuổi trưởng thành.

Chương trình GDKNS, với tài trợ của các tổ chức quốc tế (UNICEF, UNESCO, UNFPA, WHO) đã được phát triển rộng khắp. Thông qua mạng lưới toàn cầu, các tổ chức đã mở các cuộc hội thảo, cung cấp vật liệu, đồng thời phối hợp với

nhau để đẩy mạnh hoạt động GDKNS trong thanh thiếu niên thông qua nhiều cách tiếp cận khác nhau. Chương trình đã được thực hiện và phát triển mạnh trong khu vực Mĩ Latinh và Caribe, khu vực Nam Phi và Botswana, khu vực châu Á).

Tại Mĩ Latinh, năm 1996, một hội thảo về KNS được tổ chức tại Costa Rica nhằm đẩy mạnh GD sức khoẻ thông qua GDKNS trong các trường học và coi đó như những ưu tiên của mạng lưới y tế tại Mĩ Latinh. Năm 1998, một hội thảo khác được tổ chức tại Mexico nhằm củng cố sự cam kết thực hiện chương trình, đồng thời cung cấp thêm vật liệu cho các quốc gia tham gia (các tài liệu của WHO về KNS). Colombia là một trong những quốc gia nhận được tài trợ lớn từ PAHO/WHO và các quốc gia khác để thực hiện chương trình này trên toàn hệ thống GD quốc dân. Đầu tiên, chương trình là sáng kiến nhằm giảm tỉ lệ tử vong và bệnh tật liên quan đến các vụ giết người và bạo lực, sau đó dần được thay đổi để đáp ứng nhu cầu của nhiều thanh thiếu niên và họ gọi là GD toàn diện. Chương trình GDKNS của Colombia gồm các tài liệu hướng dẫn và hoạt động thiết kế dành cho đối tượng từ lớp 4 đến lớp 9 và được thực hiện ở các trường nghèo trong 20 thành phố ở Colombia, với sự tham gia của khoảng 15.000 HS.

Tại vùng biển Caribe, Liên hợp quốc phối hợp với Đại học Tây Ấn, Bộ GD và Bộ Y tế đã điều hành dự án CARICOM (Caribbean Community) nhằm đưa chương trình giảng dạy KNS vào các bậc học: mẫu giáo, tiểu học và trung học trên toàn vùng Caribe thông qua cách tiếp cận GD sức khoẻ và cuộc sống gia đình.

Tại Botswana và Nam Phi, từ năm 1996, được sự hỗ trợ của Trung tâm Chính sách quốc tế về rượu (ICAP), chương trình «*Growing Up*» (1996-1999) ra đời nhằm thực hiện GDKNS cho một số trường tiểu học ở khu vực này. «*Growing Up*» được thiết kế để giúp người học tìm hiểu một số kĩ năng liên quan

* Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên

đến cuộc sống hàng ngày, bao gồm 7 chủ đề: 1) Xây dựng một lớp học chia sẻ; 2) Học tập để hợp tác, làm việc nhóm, giao tiếp, lắng nghe và kết bạn; 3) Đối phó với tình cảm và cảm xúc; 4) Ra quyết định; 5) Lớn lên khoẻ mạnh; 6) Giúp đỡ để trường học và gia đình trở thành nơi an toàn hơn; 7) Mỗi cá nhân là một người đặc biệt. Chương trình này đã đạt được nhiều thành công lớn và càng được mở rộng với trọng tâm mới là HIV/AIDS.

Tại khu vực châu Á, được sự tài trợ của tổ chức UNICEF, UNESCO, UNFPA, các chương trình GDKNS đã được triển khai rộng khắp ở cả Nam Á (Bangladesh, Bhutan, Ấn Độ, Nepal, Sri Lanka), Đông Á (Trung Quốc), Trung Á (Mông Cổ), Đông Nam Á (Campuchia, Indonesia, Lào, Myanmar, Philipines, Thái Lan, Myanmar, Đông Timor, Việt Nam). Tại khu vực Đông Nam Á, các chương trình GDKNS xuất hiện ở các quốc gia chủ yếu vào 5 năm cuối của thế kỉ XX. Dựa trên các cách tiếp cận khác nhau qua từng lĩnh vực cụ thể, các quốc gia đã từng bước triển khai để đưa KNS vào GD ở trong và ngoài nhà trường. KNS được coi như một phương tiện hiệu quả trong việc phát triển kỹ năng trong thanh thiếu niên để có thể lựa chọn lối sống lành mạnh và tối ưu về mặt thể chất, xã hội và tâm lí.

Ở Thái Lan, năm 1996, GDKNS được đưa ra cùng chương trình ngăn chặn AIDS, được thực hiện ở cả ba bậc học phổ thông, chủ yếu qua các hoạt động ngoại khoá. Hiện nay, Thái Lan đang trong giai đoạn duy trì và mở rộng phát triển GDKNS trên các lĩnh vực: phòng, chống (PC) HIV/AIDS; sức khoẻ sinh sản; PC sử dụng rượu, thuốc lá và ma tuý; vấn đề giới và coi đó là nội dung bắt buộc phải đưa vào giảng dạy trong chương trình của nhà trường ở tất cả các cấp học.

Ở Indonesia, năm 1997, GDKNS được đưa ra thông qua chương trình GDKNS cho cuộc sống khoẻ mạnh, thực hiện ở cấp tiểu học. Đến cuối năm 2002, chương trình GDKNS cho PC HIV/AIDS được triển khai thực hiện ở các bậc trung học. Chính phủ Indonesia đã nỗ lực đưa KNS vào trong chương trình của GD cơ bản, với nội dung: GDKNS cho sống khoẻ mạnh (dinh dưỡng, GD vệ sinh, trẻ em/nhân quyền); GDKNS cho PC HIV/AIDS (HIV/AIDS, sức khoẻ sinh sản, PC sử dụng ma tuý và các chất gây nghiện).

Ở Philipines, KNS bắt đầu được tích hợp giảng dạy vào chương trình GD cơ bản từ năm 2001. Bên cạnh các chương trình GD dựa trên KNS, Philipines còn triển khai chương trình hướng đạo

dựa trên KNS, nhằm lồng ghép đưa 11 KNS cốt lõi (tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, ra quyết định, tự nhận thức, đối phó với cảm xúc, đối phó với căng thẳng, đồng cảm, giao tiếp hiệu quả, kĩ năng quan hệ tích cực, kĩ năng sản xuất kinh doanh) vào giảng dạy. Hiện nay, Philipines đã cơ bản hoàn thành việc bồi dưỡng cho GV trong việc tiếp cận với KNS và đưa KNS vào trong chương trình GD cơ bản.

Ở Lào, năm 1998, chương trình dựa trên KNS bắt đầu phát triển, được thực hiện thông qua các nội dung cơ bản: PC HIV/AIDS và STI; PC ma tuý và sử dụng rượu, thuốc lá; PC dịch bệnh; sức khoẻ sinh sản; vấn đề giới; vệ sinh; GD dân số; bảo vệ môi trường; các mối quan hệ với gia đình và bạn bè; trách nhiệm công dân. Các nội dung này được đưa vào chương trình giảng dạy của 5 chuyên ngành: Thế giới xung quanh ta (ở tiểu học); Sinh học, Công dân, Địa lí, Khoa học tự nhiên (ở trung học). Lào đang di chuyển từ hành động đến mở rộng và phát triển chương trình GD dựa trên KNS thông qua việc đào tạo GV, cải tiến trong giám sát, đánh giá và mở rộng quy mô của chương trình.

Ở Myanmar, năm 1998, dự án «Chương trình GD sống khoẻ mạnh và PC HIV/AIDS dựa vào trường học» (SHAPE) được bắt đầu. Dự án này là sự hợp tác giữa Chính phủ Myanmar và tổ chức UNICEF nhằm đưa KNS vào trong GD để thúc đẩy lối sống lành mạnh và ngăn ngừa lây nhiễm HIV. Nội dung tập trung vào một phạm vi của y tế và các vấn đề của xã hội liên quan đến trẻ em và thanh thiếu niên như: PC HIV/AIDS và STI; sức khoẻ sinh sản; PC ma tuý và sử dụng rượu, thuốc lá; dinh dưỡng; GD vệ sinh. Đây là dự án được thực hiện trong hệ thống GD chính quy thông qua việc giảng dạy các môn học ở các bậc phổ thông, sau đó được mở rộng cả về mặt địa lí lẫn các nhóm đối tượng trọng điểm bên ngoài hệ thống GD chính quy và có tác động rộng lớn trên cả quốc gia Myanmar.

Ở Campuchia, năm 2001, chương trình GDKNS được phát triển bởi một nhóm liên ngành của Bộ GD, thanh niên và thể thao (MoEYS), là một phần của kế hoạch quốc gia «GD cho mọi người», được thực hiện ở cả chính khoá và ngoại khoá trong hai cấp học: tiểu học và trung học. Một số dự án thí điểm đã được thực hiện bởi MoEYS, với sự hỗ trợ của một số tổ chức phi chính phủ để phát triển các KNS, cùng đó là phát triển các tập sách về KNS (tập trung vào nông nghiệp,

chăn nuôi và vệ sinh). Hiện nay, Campuchia đang nỗ lực phát triển và mở rộng chương trình GDKNS sang GD không chính quy (tập trung vào trẻ em thiệt thòi và thanh thiếu niên tại các trung tâm đào tạo nghề ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa).

Như vậy, trên thế giới nói chung và ở khu vực Đông Nam Á nói riêng, KNS đã được triển khai đưa vào GD, cả trong GD chính quy và không chính quy. Đến nay, quá trình GDKNS ở các quốc gia này phần lớn đã đi vào quy trình và đang phát triển mạnh mẽ.

2. Hiện trạng triển khai GDKNS ở Việt Nam

Tại Việt Nam, năm 1996, thuật ngữ «KNS» bắt đầu xuất hiện qua một chương trình của UNICEF «GDKNS để bảo vệ sức khỏe và PC HIV/AIDS cho thanh thiếu niên trong và ngoài nhà trường» do các chuyên gia Australia tập huấn.

Năm 2003, hội thảo «Chất lượng GD và KNS» (UNESCO hỗ trợ tổ chức) đã làm rõ hơn khái niệm về KNS. KNS được tiếp cận dựa trên bốn trụ cột của việc học: «*Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống, học để tự khẳng định*».

GDKNS được tiếp cận và bước đầu triển khai trong hệ thống GD không chính quy ở nước ta cách đây hơn 10 năm, đến nay, cũng đã có một số tài liệu, đề tài nghiên cứu về KNS và GDKNS cho các đối tượng khác nhau như: HS phổ thông; HS có hoàn cảnh khó khăn; học viên ở các trung tâm học tập cộng đồng, GV trung học cơ sở... Tuy nhiên, việc triển khai để đưa GDKNS vào các môn học ở nhà trường phổ thông vẫn hạn chế. Hầu hết GV và HS trường phổ thông ở nước ta vẫn còn xa lạ với các thuật ngữ cũng như những vấn đề cơ bản liên quan đến KNS và GDKNS. Hiện nay, GDKNS ở nước ta vẫn đang ở mức độ bắt đầu triển khai thông qua việc tập huấn GV để đưa KNS tích hợp giảng dạy trong các môn học ở nhà trường phổ thông.

Mặc dù việc triển khai GDKNS chưa được tiến hành một cách hệ thống và rộng rãi trong các nhà trường phổ thông nhưng lại đang là vấn đề được nhiều tổ chức nước ngoài và tư nhân nước ta quan tâm. Các trung tâm GDKNS được ra đời và tổ chức ở nhiều nơi (TGM Corporation, Tâm Việt, Breakthrough Power, Trung tâm KNS trực thuộc TW Hội KH Tâm lý - GD Việt Nam, Trung tâm KNS Sunny smile...), một số nhà chùa cũng tham gia tổ chức giảng dạy để GDKNS cho các chúng sinh (chùa Hoàng Pháp - Long An; Tây Thiên Trúc Lâm thiền viện - Vĩnh Phúc...). Tuy

GDKNS xuất hiện ở nước ta cách đây hơn 10 năm, nhưng cho đến nay, GDKNS mới chỉ được thực hiện «trôi nổi» ngoài xã hội, chưa có sự quản lý về nội dung cũng như nhất quán trong mục tiêu và chương trình đào tạo, GDKNS.

3. Một số giải pháp nhằm thực hiện tốt GDKNS tại nước ta hiện nay

Ở Việt Nam, việc triển khai GDKNS chưa đồng bộ và chưa đạt được kết quả khả quan. Trong hệ thống GD chính quy, việc triển khai để áp dụng rộng rãi các chương trình GDKNS càng hạn chế. Để thực hiện có hiệu quả GDKNS cho HS phổ thông, chúng ta cần học hỏi kinh nghiệm của các nước bạn và nhanh chóng đưa KNS tiếp cận vào trong GD. Quá trình này đòi hỏi thời gian và trước hết, cần thực hiện tốt những việc sau đây:

1) Coi GDKNS là một nội dung của chương trình GD quốc gia, buộc phải học ở mọi cấp học.

2) Đánh giá lại toàn bộ nguồn tài nguyên hiện có của GD nước ta: đội ngũ GV, giáo trình, SGK, sách tham khảo, tài liệu liên quan đến GDKNS.

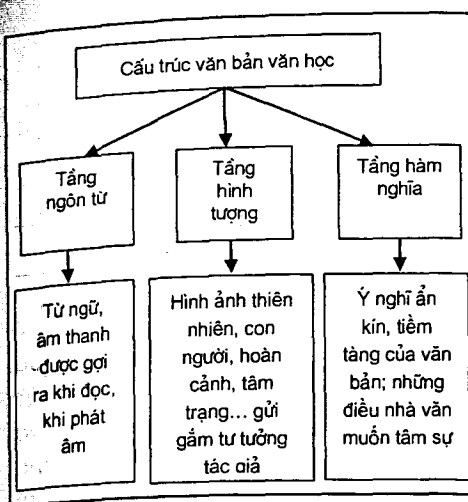
3) Huy động nhiều đối tác cùng tham gia xây dựng chương trình GDKNS và cách thức để đưa GDKNS vào trong nhà trường phổ thông như: GV, nhà tâm lý học, bác sĩ, chuyên gia nghiên cứu về KNS, phụ huynh HS...

4) Tăng cường GDKNS trong chương trình học tập chính khóa ở trường thông qua việc khai thác các nội dung sẵn có hoặc tích hợp các nội dung GDKNS trong các môn học (đặc biệt là những môn học như: *Khoa học, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, GD công dân*) và qua việc tổ chức các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp.

5) Xác định mục tiêu, xây dựng nội dung chương trình GDKNS mang tính hệ thống và xuyên suốt trong chương trình của tất cả các bậc học: rà soát chương trình; xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai GDKNS (hướng dẫn GV, HS, bảng hình mô tả các tình huống, hoạt động...) trong đó có đưa ra một số KNS cơ bản cần thiết phải GD cho mọi đối tượng HS phổ thông và những KNS đặc thù phù hợp với đối tượng HS ở các vùng miền; thiết kế các kế hoạch giảng dạy mẫu có tích hợp nội dung GDKNS...

6) Tổ chức đào tạo, tập huấn GV, đặc biệt phải xây dựng một đội ngũ GV cốt cán về GDKNS; tổ chức các hội thảo, chuyên đề về GDKNS; kiểm tra, đánh giá và tổng kết việc thực hiện GDKNS trong các địa phương, trường học theo định kì.

(Xem tiếp trang 31)



Cấu trúc văn bản văn học

- Tầng ngôn từ - từ ngữ âm đến ngữ nghĩa**
 - Ngôn từ là bước thứ nhất cần hiểu đúng khi đọc tác phẩm văn học.
 - Hiểu ngôn từ là hiểu các nghĩa (tường minh, hàm ẩn...) của từ ngữ, là hiểu các âm thanh được gọi ra khi đọc, khi phát âm.
- Tầng hình tượng**
 - Tác giả dùng ngôn từ nghệ thuật để xây dựng hình tượng văn học.
 - Hình tượng văn học có thể là hình ảnh thiên nhiên, con người, hoàn cảnh, tâm trạng...
 - Hình tượng văn học do tác giả sáng tạo ra, không hoàn toàn giống hệt như ngoài đời, nhằm gửi gắm ý tình sâu kín của mình với người đọc.
- Tầng hàm nghĩa**
 - Từ tầng ngôn từ, đến tầng hình tượng, dần dần ta tìm ra tầng hàm nghĩa (ý nghĩa ẩn kín, tiềm tàng) của văn bản. Từ

(lớp 10)
Ngữ cảnh, Nghĩa của câu, Phong cách ngôn ngữ báo chí (lớp 11),
Phong cách ngôn ngữ khoa học (lớp 12).
 Nhìn chung, các bài trên được dạy thực nghiệm ở

Chúng tôi đã soạn một số bài dạy của ba phân môn. Cụ thể, về Văn gồm: *Khái quát văn học dân gian, Chí khí anh hùng, Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* (lớp 10), *Hạnh phúc một tang gia, Đây thôn Vĩ Dạ* (lớp 11), *Ông già và biển cả, Hồn Trương Ba da hàng thịt, Chiếc thuyền ngoài xa, Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (lớp 12). Về Làm văn có các bài: *Lập dàn ý bài văn nghị luận, Lập luận trong văn nghị luận* (lớp 10). Về Tiếng Việt có các bài: *Đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ*

trường THPT Sông Lô và THPT Na Hang của Tuyên Quang đều đạt chất lượng khá, có bài được chuyên gia và đồng nghiệp đánh giá là tốt. Sau khi dạy thử nghiệm, chúng tôi rút kinh nghiệm, điều chỉnh, sửa lại mô hình Graph cho phù hợp và hiệu quả (1). □

(1) Chúng tôi đã mời PGS. TS. Nguyễn Quang Ninh, người nghiên cứu về lí thuyết Graph trình bày những vấn đề chung về tư tưởng cơ bản của lí thuyết này; sau đó là phần tìm tòi, suy nghĩ để vận dụng Graph vào trong dạy học Ngữ văn.

Bồi dưỡng kĩ năng...

(Tiếp theo trang 23)

DGLH là một bộ phận hợp thành của việc ra các quyết định và giảng dạy của GV, là một phương pháp có tính thu thập, giải thích và sử dụng các thông tin; DG tốt sẽ góp phần nâng cao chất lượng học tập của SV. Đội ngũ GV trẻ là những người mới bước vào nghề, cần có sự quan tâm đúng mức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao chất lượng GD-ĐT nhằm tạo ra lực lượng lao động chất lượng cao, thu hẹp khoảng cách giữa nhà trường với thực tiễn xã hội. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. *Tài liệu Hội nghị giáo dục đại học* (tập 1, 2, 3), 2001.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X*. NXB Chính trị quốc gia, H 2006.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII*, 1996.
4. Trần Bá Hoàn. *Đánh giá trong giáo dục*. Chương trình Giáo trình đại học. Bộ GD-ĐT, H 1995.

Hiện trạng triển khai...

(Tiếp theo trang 26)

7) Đổi mới PPDH, GV sử dụng các PPDH tích cực và người học được chủ động trong việc tìm kiếm thông tin, phân tích, đánh giá, trình bày, thảo luận, hợp tác... □

Tài liệu tham khảo

1. *Life Skills Education in South Africa and Botswana*. International Center for Alcohol Policies. April 2000.
2. *School-based healthy living and HIV/AIDS preventive education (SHAPE): Primary level: teacher's manual*. Myanmar. Ministry of Education. Department of Basic Education. 2002.
3. Rhona Birrell Weisen. *Expérience internationale du développement des compétences sociales et personnelles dans l'école*. 2003.
4. *Giáo dục kĩ năng sống ở Việt Nam*. Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, H. 2006.